

**TỔNG CỤC CÔNG NGHIỆP QUỐC PHÒNG  
CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

**NĂM 2010**

**Ngày 20 tháng 04 năm 2010**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15 tháng 01 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

## **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH NĂM 2010**

- Tên tiếng Anh : General Materials Biochemistry Fertilizer Joint Stock Company
- Tên viết tắt : MF JSC
- Trụ sở : Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại : (08) 799 0170
- Fax : (08) 794 9051
- Giấy ĐKKD : 4103003733
- Vốn điều lệ ban đầu: 18.500.000.000 đ
- Vốn điều lệ hiện tại: 100.000.000.000 đ

#### **Đơn vị trực thuộc:**

Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh đầu tư 100% vốn vào Công ty TNHH nhà máy Phân bón NPK Phú Yên.

Địa chỉ: KCN Đông Bắc Sông Cầu, xã Xuân Hải, huyện Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

### **Phần I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

#### **I. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh (dưới đây gọi là Công ty Hóa Sinh) tiền thân là Phân xưởng sản xuất phân bón của Công ty Thanh Bình trực thuộc Tổng cục Công nghiệp Quốc Phòng, Bộ quốc phòng và chính thức được chuyển sang cổ phần hóa theo Quyết định số 1918/QĐ-QP ngày 09/09/2003 của Bộ trưởng Quốc phòng về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Thanh Bình thuộc Tổng cục công nghiệp Quốc phòng.

Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh chính thức đi vào hoạt động kinh doanh theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/09/2005.

#### **II. Ngành nghề kinh doanh chủ yếu:**

- Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc, thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp.
- Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản.
- Mua bán vật liệu xây dựng, nông – thủy – hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giấy da, hàng may mặc.
- Khai thác khoáng sản.
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng.

- Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại.
- Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì.
- Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô.
- Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

Từ một đơn vị sản xuất phân bón nhỏ với sản lượng hàng năm vài nghìn tấn, Công ty Hóa Sinh đã không ngừng nghiên cứu, cải tiến công nghệ, thiết bị, phát triển sản phẩm, mở rộng thị trường, sắp xếp lại tổ chức và đào tạo nguồn nhân lực để sản xuất ra những sản phẩm có chất lượng ngày càng cao hơn. Sản phẩm chủ yếu của Công ty Hóa Sinh là phân bón NPK với thương hiệu “Con Trâu” cũng đã trở thành thương hiệu uy tín trên thị trường, đạt được nhiều danh hiệu và giải thưởng chất lượng như: Giải thưởng chất lượng Việt Nam, Giải thưởng Bông lúa vàng, Giải thưởng đơn vị có sản phẩm được người tiêu dùng ưa thích, Topten Phân bón, Giải Cúp vàng vì sự nghiệp xanh Việt Nam, Cúp vàng nông nghiệp Việt Nam và hàng chục danh hiệu, giải thưởng, huy chương vàng các loại khác.

### III. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ

Vốn Điều lệ của Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn); Vốn thực góp tính tới thời điểm 31/12/2007 là 100.000.000.000 đồng (Một trăm tỷ đồng chẵn). Tỷ lệ vốn góp của các cổ đông (tính tới thời điểm 31/12/2009) như sau:

Cổ đông	Số cổ phần sở hữu (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Vốn nhà nước	943.500	9.435.000.000	9,435
Cổ đông khác	9.056.500	90.565.000.000	90,565
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.000.000</b>	<b>100.000.000.000</b>	<b>100,000</b>

#### 1. Cơ cấu vốn cổ đông :

TT	Danh mục	10.000 đồng	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
<b>1</b>	<b>Cổ đông nhà nước</b>	-	-	-	-	-
<b>2</b>	<b>Cổ đông bên trong</b>	<b>3.694.289</b>	<b>36,94</b>	<b>44</b>	<b>2</b>	<b>42</b>
	- Cổ đông sáng lập	2.454.222	24,54	5	1	4
	- Hội đồng quản trị (*)	609.668	6,10	4		4
	- Ban kiểm soát	27.054	0,27	2	-	2
	- Ban giám đốc (**)	101.110	1,01	2	-	2
	- Cán bộ công nhân viên	387.825	3,88	30		30
	- Cổ phiếu quỹ	114.410	1,14	1	1	-
<b>3</b>	<b>Cổ đông bên ngoài</b>	<b>6.305.711</b>	<b>63,06</b>	<b>996</b>	<b>16</b>	<b>980</b>
	- Trong nước	6.042.181	60,04	965	11	954

TT	Danh mục	10.000 đồng	%	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
	- Nước ngoài	263.530	2,64	31	5	26
<b>Tổng cộng</b>		<b>10.000.000</b>	<b>100,00</b>	<b>1.040</b>	<b>18</b>	<b>1.022</b>

(\*) : Không tính số cổ phần của thành viên Hội đồng quản trị là Cổ đông sáng lập

(\*\*) : Không tính số cổ phần của thành viên Ban giám đốc là Cổ đông sáng lập

## 2. Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Tổng cục công nghiệp quốc phòng	28A Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội	943.500	9,44%
<b>Tổng cộng</b>			<b>943.500</b>	<b>9,44%</b>

## 3. Danh sách cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ trọng
1	Tổng cục công nghiệp quốc phòng	28A Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội	943.500	9,44%
2	Trần Bá Kiệt	317 Hậu Giang, Phường 5, Quận 6, TP. HCM	422.202	4,22%
3	Ôn Lệ Hồng	132 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. HCM	422.202	4,22%
4	Nguyễn Thị Thu Lê	247 Nguyễn Thượng Hiền, P.6, Q. Bình Thạnh, TP HCM	422.202	4,22%
5	Huỳnh Hồng Phương	132 Sư Vạn Hạnh, Phường 12, Quận 10, TP. HCM	244.116	2,44%
<b>Tổng cộng</b>			<b>2.454.222</b>	<b>24,54%</b>

## IV. Tổ chức và nhân sự

### 1. Tổ chức

#### 1.1. Đại hội đồng cổ đông

Gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty cổ phần Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh, có quyền quyết định tỉ lệ trả cổ tức hàng năm; phê chuẩn báo cáo tài chính hàng năm; bầu và bãi miễn HĐQT, BKS; bổ sung và sửa đổi Điều lệ; quyết định loại và số lượng cổ phần phát hành; sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty; tổ chức lại và giải thể Công ty, v.v...

1.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty Hóa Sinh giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty Hóa Sinh để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty Hóa Sinh, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông mà không được ủy quyền.

1.3. Ban kiểm soát

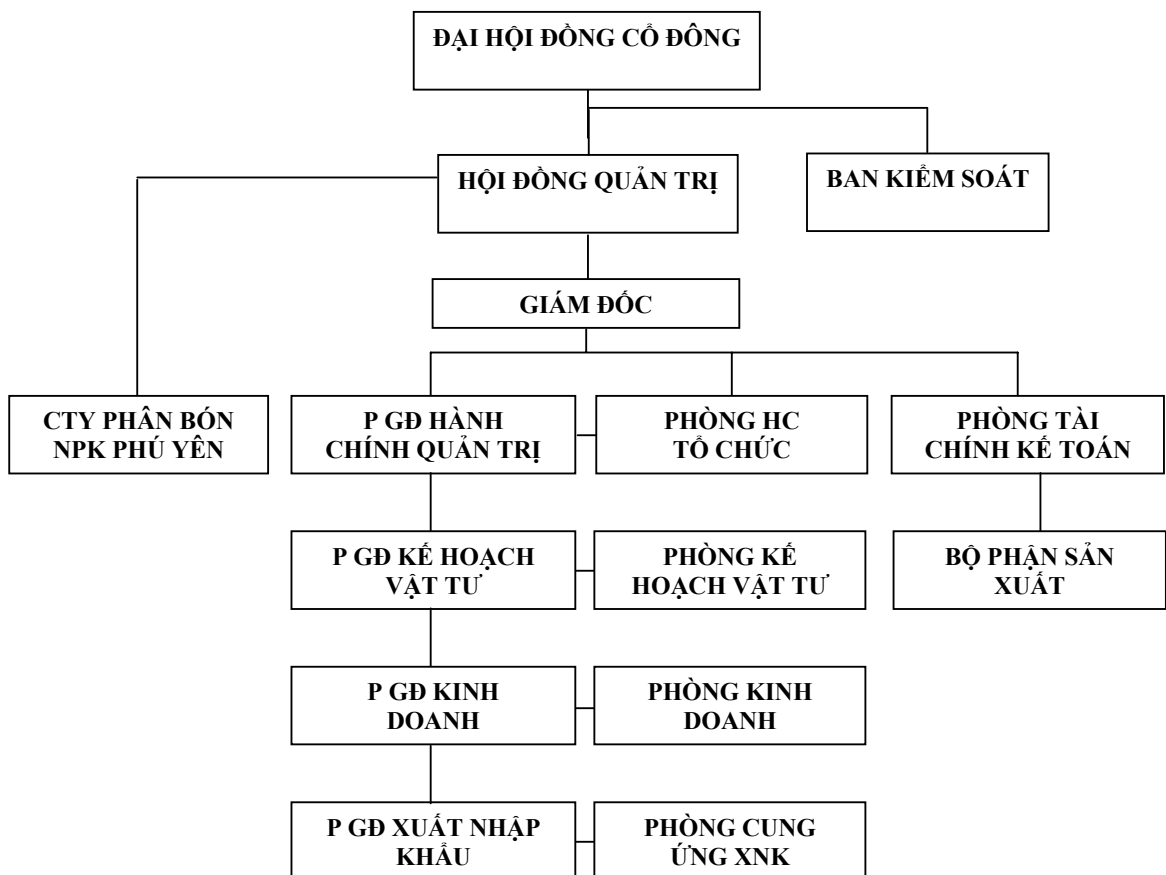
Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty Hóa Sinh. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành của Ban Giám đốc.

1.4. Giám đốc

Là người đại diện theo pháp luật, điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty Hóa Sinh và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

1.5. Sơ đồ cơ cấu tổ chức

**SƠ ĐỒ CƠ CẤU TỔ CHỨC  
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ TỔNG HỢP VÀ PHÂN BÓN HÓA SINH**



## 2. Chính sách đối với người lao động

Lao động thường xuyên (tính đến thời điểm 31/12/2009): 290 người

Trong đó:

- Cán bộ trình độ đại học, trên đại học: 18 người
- Cán bộ trình độ cao đẳng, trung cấp: 32 người
- Công nhân sản xuất và các nhân viên khác: 240 người

### a. Đào tạo

Công ty Hóa Sinh chú trọng vào các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý đối với cán bộ quản lý, kỹ năng về nghiệp vụ chuyên môn đối với các nhân viên và công nhân sản xuất. Việc đào tạo được thực hiện theo hình thức đào tạo nội bộ và cử đi đào tạo ở các cơ sở bồi dưỡng nghiệp vụ.

### b. Lương, thưởng

Chính sách về lương chủ yếu thực hiện khoán đơn giá theo sản phẩm sản xuất và sản lượng tiêu thụ.

Chính sách thưởng đa dạng: khuyến khích sản xuất, kích thích sản xuất kinh doanh, thưởng vào những ngày lễ, tết, nhất là tết Âm lịch thưởng mức cao nhất.

Chính sách trợ cấp: trợ cấp ốm đau, thai sản, nghỉ việc áp dụng theo quy định của Bộ Luật Lao động.

## 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát

### 3.1. Hội đồng quản trị

#### 3.1.1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị - Ông Huỳnh Nghĩa:

- Họ và tên: HUỲNH NGHĨA
- Số CMND: 023827405
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 05/04/1952
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 132 Sư Vạn Hạnh, P. 12, Q. 10, Tp. HCM
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 1993 - 2000: Giám đốc Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh trực thuộc Công ty Thanh Bình, Tổng cục công nghiệp Quốc Phòng, Bộ Quốc Phòng
  - 2000 - 2005: Phó Giám đốc Công ty Thanh Bình

- 2005 - nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 268.268 cổ phần
  - Được ủy quyền: 518.000 cổ phần.
- Những người có liên quan:
  - Vợ là Bà Ôn Lệ Hồng nắm giữ 422.202 cổ phần
  - Con là Bà Huỳnh Hồng Phương nắm giữ 244.116 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**3.1.2. Thành viên Hội đồng Quản trị - Ông Đỗ Văn Ngọc:**

- Họ và tên: ĐỖ VĂN NGỌC
- Số CMND: 020420033
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 12/01/1956
- Nơi sinh: Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Tây
- Địa chỉ thường trú: 428B Nơ Trang Long, P. 13, Q. Bình Thạnh, Tp. HCM
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh, Kỹ sư nông nghiệp
- Quá trình công tác:
  - 1981 – 1989: Trợ lý kế hoạch Thường trực Tổng cục Kỹ thuật Bộ Quốc Phòng
  - 1989 – 1995: Trưởng Phòng Kế hoạch tổng hợp Công ty Thanh Bình
  - 1995 – 2005: Phó Giám đốc Công ty Thanh Bình
  - 2005 – nay: Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Giám Đốc Công Ty Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc Công Ty Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 228.750 cổ phần.
  - Được ủy quyền: 333.000 cổ phần.

- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**3.1.3. Thành viên Hội đồng quản trị - Ông Nguyễn Huy Quyền:**

- Họ và tên: NGUYỄN HUY QUYỀN
- Số CMND: 300629671
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 24/09/1971
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: 75 Nguyễn Đình Chiểu, P. 1, Thị xã Tân An, Tỉnh Long An
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 2000 – 2005: Nhân viên Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
  - 2005 – 05/2007: Kế toán Trưởng Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
  - 05/2007 – nay: Phó Giám đốc Xuất nhập khẩu Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám đốc Xuất nhập khẩu Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 1.650 cổ phần
  - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**3.1.4. Thành viên Hội đồng Quản trị - Ông Cao Thanh Định:**

- Họ và tên: CAO THANH ĐỊNH
- Số CMND: 022863763
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/04/1972



- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bình Định
- Địa chỉ thường trú: 9D5 Cư xá 304, P. 25, Q. Bình Thạnh, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: Cao học
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 1994 – 1995: Chuyên viên tín dụng Ngân hàng BFCE
  - 1995 – 2000: Giám đốc tín dụng Deutsch Bank
  - 2000 – 2002: Giám đốc Quan hệ khách hàng Ngân hàng UOB
  - 2002 – 2003: Trưởng Phòng kinh doanh Bảo Minh CMG
  - 2003 – 10/2007: Giám đốc Đầu tư – Dịch vụ tài chính Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á.
  - 10/2007 – nay: Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ Đông Á.
- Chức vụ công tác hiện nay: Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ Đông Á .
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần.
  - Được ủy quyền: 480.000 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**3.1.5. Thành viên Hội đồng Quản trị - Ông Nguyễn Minh Phúc:**

- Họ và tên: NGUYỄN MINH PHÚC
- Số CMND: 361678749
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 08/03/1978
- Nơi sinh: Cần Thơ
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tân Phú Thạnh, Châu Thành, Cần Thơ
- Địa chỉ thường trú: 15/5 Ấp Tân Phú, Tân Phú Thạnh, Châu Thành, Cần Thơ.
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

- Quá trình công tác:
  - 1998 – nay: Giám đốc công ty TNHH SX & TM Thép Nguyễn Minh
- Chức vụ công tác hiện nay: Giám đốc công ty TNHH SX & TM Thép Nguyễn Minh.
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 111.000 cổ phần
  - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan:
  - Cha là ông Nguyễn Minh Hiếu nắm giữ 100.000 cổ phần
  - Vợ là Bà Huỳnh Hồng Phương nắm giữ 244.116 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### 3.2. Ban Điều hành

#### 3.2.1 Giám đốc – Ông Đỗ Văn Ngọc

(Xem phần 3.1.2 ở trên)

#### 3.2.2 Phó Giám đốc - Ông Vũ Xuân Ngọc:

- Họ và tên: VŨ XUÂN NGỌC
- Số CMND: 024012968
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 25/08/1956
- Nơi sinh: Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nam Định
- Địa chỉ thường trú: Ấp Bầu Tre, xã Tân An Hội, Huyện Củ Chi, TP. HCM
- Trình độ văn hoá: Trung cấp
- Trình độ chuyên môn: Quản lý doanh trại
- Quá trình công tác:
  - 1975 – 1993: Trợ lý Công ty Thanh Bình
  - 1993 – 2000: Trưởng Ban hành chính Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh
  - 2000 – 08/2005: Phó Giám đốc Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh
  - 09/2005 – nay: Phó Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Giám Đốc Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.

- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 19.510 cổ phần
  - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### **3.2.3 Phó Giám đốc – Ông Nguyễn Huy Quyền**

*(Xem phần 3.1.3 ở trên)*

### **3.2.4 Phó Giám đốc - Ông Nguyễn Thành Thảo:**

- Họ và tên: NGUYỄN THÀNH THẢO
- Số CMND: 300628901
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 26/06/1972
- Nơi sinh: Đức Hoà – Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Ấp Bình Tiên I, Đức Hoà Hạ, Đức Hoà, Long An
- Địa chỉ thường trú: Ấp Bình Tiên I, Đức Hoà Hạ, Đức Hoà, Long An
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
- Quá trình công tác:
  - 1998 – Tháng 06/2009: Giám đốc nhà máy – Kiêm Trưởng phòng Kinh Doanh - Xuất nhập khẩu Công ty CP VTTH & Phân Bón Hóa Sinh
  - Tháng 06/2009 – nay: Phó tổng giám đốc – kiêm Trưởng phòng Kinh Doanh Công ty CP VTTH & Phân Bón Hóa Sinh
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 81.600 cổ phần
  - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Vợ Nguyễn Anh Phượng: số cổ phần nắm giữ: 20.000 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### **3.2.5 Trưởng Phòng Tài chính kế toán – Bà Nguyễn Anh Phượng:**

- Họ và tên: NGUYỄN ANH PHƯỢNG
- Số CMND: 300981578

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/01/1973
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: Bình Tiền I, xã Đức Hòa Hạ, Đức Hòa, Long An
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:
  - 1997 – 1999: Nhân viên Kế toán Công ty TNHH TM-SX Tường Phong
  - 2000 – 05/2007: Kế toán tổng hợp Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
  - 06/2007 – nay: Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Phòng Tài chính kế toán Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 20.000 cổ phần
  - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Chồng Nguyễn Thành Thảo số cổ phần nắm giữ: 81.600 cổ phần.
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### 3.3 Ban Kiểm soát

#### 3.3.1 Trưởng Ban kiểm soát - Bà Nguyễn Thị Kim Loan:

- Họ và tên: NGUYỄN THỊ KIM LOAN
- Số CMND: 023514173
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/04/1974
- Nơi sinh: Tp. HCM
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Tp. HCM
- Địa chỉ thường trú: 95 Ấp Chợ, xã Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. HCM

- Trình độ văn hoá: Đại học
  - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Hóa
  - Quá trình công tác:
    - 1999 – 2000: Nhân viên Phòng Kỹ thuật Xí Nghiệp Phân Bón Hóa Sinh
    - 2000 – 2002: Phó phòng Vật tư – KCS Xí Nghiệp Phân Bón Hóa Sinh
    - 2002 – 06/2007: Trưởng Phòng Kế hoạch – Vật tư Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
    - 07/2007 – nay: Trưởng phòng kế hoạch – KCS Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
  - Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng kế hoạch - KCS Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
  - Số lượng cổ phần nắm giữ:
    - Sở hữu cá nhân: 24.300 cổ phần
    - Được ủy quyền: 0 cổ phần
  - Những người có liên quan: Không có
  - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

### **3.3.2 Thành viên Ban kiểm soát - Bà Trương Thị Hạnh:**

- Họ và tên: TRƯƠNG THỊ HẠNH
- Số CMND: 301098387
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 12/02/1984
- Nơi sinh: Long An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Long An
- Địa chỉ thường trú: Hòa Bình 2, xã Hiệp Hòa, Huyện Đức Hòa, Tỉnh Long An
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Trung cấp kế toán
- Quá trình công tác:
  - 11/2004 – 11/2006: Kế toán viên tại Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh.
  - 12/2006 – 05/2007: Kế toán trưởng Công Ty TNHH Nhà Máy Phân Bón NPK Phú Yên.
  - 06/2007 – nay: Chuyên viên kinh doanh Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh

- Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên kinh doanh Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần
  - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

**3.3.3 Thành viên Ban kiểm soát – Ông Đặng Thanh Tùng:**

- Họ và tên: ĐẶNG THANH TÙNG
- Số CMND: 351082154
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 27/04/1974
- Nơi sinh: Phú Mỹ, Phú Tân, An Giang
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: An Giang
- Địa chỉ thường trú: Ấp Phú Mỹ Hạ, Xã Phú Thọ, Huyện Phú Tân, Tỉnh An Giang
- Trình độ văn hoá: Đại học
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân tài chính.
- Quá trình công tác:
  - Từ năm 2000 – 2008: Nhân viên phòng kinh doanh Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Chức vụ công tác hiện nay: Nhân viên phòng kinh doanh Công Ty Cổ Phần Vật Tư Tổng Hợp Và Phân Bón Hóa Sinh
- Số lượng cổ phần nắm giữ:
  - Sở hữu cá nhân: 2.754 cổ phần
  - Được ủy quyền: 0 cổ phần
- Những người có liên quan: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không có

## **Phần II. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **I. Đánh giá chung tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trong năm tài chính 2009.**

Năm 2009, trong bối cảnh chung của nền kinh tế toàn cầu, Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hoá Sinh cũng có những thuận lợi, khó khăn tác động tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Với vai trò là Chủ tịch HĐQT Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ, HĐQT đánh giá những kết quả đáng chú ý của Công ty như sau:

- Tổng doanh thu hoạt động kinh doanh: 900.183.627.332 đồng, đạt 100,02% kế hoạch.
- Tổng lợi nhuận trước thuế: 17.762.956.343 đồng, đạt 71,05% kế hoạch.
- Hoạt động sản xuất: Thương hiệu phân bón “Con trâu” đã giữ vững uy tín của Hoá Sinh trên thị trường và ngày càng được người tiêu dùng tin tưởng.
- Bên cạnh đó, việc tham gia vào thị trường chứng khoán cũng đã góp phần nâng cao uy tín của Công ty, cùng với sự ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp cũng đã giúp công ty rất nhiều trong tình hình tài chính khó khăn.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn nhiều khó khăn – hậu quả từ những bất ổn kinh tế vĩ mô và khủng hoảng kinh tế năm 2008 và 2009, với sự cố gắng nỗ lực của tập thể lãnh đạo và CBCNV, Công ty đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

### **II. Báo cáo hoạt động của hội đồng quản trị**

Các thành viên HĐQT Công ty gồm Chủ tịch HĐQT, hai thành viên kiêm nhiệm trong Ban Giám đốc và hai thành viên bên ngoài đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Giám đốc về việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, quyết định của HĐQT, xây dựng các đề án, dự án kinh doanh.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Giám đốc.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng định giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm.
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban Giám đốc gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban Giám đốc trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Các thành viên HĐQT không kiêm nhiệm chức vụ trong Công ty thực hiện công tác quản lý, giám sát qua các chế độ kiểm tra, báo cáo, các buổi họp và làm việc với Ban Giám đốc cũng như tại các phiên họp HĐQT.

Đánh giá chung về công tác này, HĐQT đã luôn hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần. Công tác này thực tế trong năm qua đã đạt kết quả đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đốc thúc của HĐQT đã giúp Ban Giám đốc tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT nhanh chóng kịp thời hơn, đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty ổn định và đạt hiệu quả, thích ứng với thị trường.

### III. Các chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2010 và giải pháp thực hiện

#### 1. Các nhiệm vụ cơ bản năm 2010:

- Đẩy mạnh đầu tư và hoàn thiện tổ chức mạng lưới tiêu thụ, kho trung chuyển; Hoàn chỉnh các Quy chế, Quy trình và Quy định trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh, đảm bảo kinh doanh linh hoạt và đạt hiệu quả nhất.
- Bám sát kế hoạch giá thành sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được phê duyệt.
- Tăng cường công tác quảng cáo, quảng bá xây dựng hình ảnh.
- Phát triển sản phẩm mới, giảm thiểu tối đa những lỗi không phù hợp trong sản phẩm.
- Xây dựng chính sách hỗ trợ các đại lý lâu năm, đại lý chiến lược khi có biến động giá cả.
- Xây dựng chính sách giá trong giai đoạn sắp tới để phù hợp với sự biến động giá của thị trường.

#### 2. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện Năm 2009	Kế hoạch Năm 2010	Tỷ lệ % so sánh
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Triệu đồng	900.184	1.200.000	133,31
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	17.763	23.000	129,48
3	Tổng số sản lượng sản xuất:	Tấn	110.000	155.000	140,90
4	Lao động – tiền lương				
	- Lao động	Người	290	300	103,44
	- Thu nhập bình quân/ người/ tháng	Triệu đồng	2,8	4,2	150,00
5	Đầu tư xây dựng cơ bản	Triệu đồng	6.632	0	



TT	Chỉ tiêu	Đvt	Thực hiện Năm 2009	Kế hoạch Năm 2010	Tỷ lệ % so sánh
6	Cổ tức	%	12	14	116,66

### 3. Các biện pháp thực hiện:

#### 3.1. Công tác tài chính:

- Xem xét lựa chọn các dự án đầu tư mang lại hiệu quả cao.
- Nhạy bén trong việc lựa chọn các ngân hàng cho vay với lãi suất thấp, củng cố và phát triển các mối quan hệ với ngân hàng để phát triển các nguồn vốn phục vụ cho nhu cầu sản xuất kinh doanh.
- Sử dụng vốn có hiệu quả nhất, cố gắng làm cho vòng quay vốn nhanh 3 đến 4 vòng / năm. Xây dựng các quy trình đặt hàng → sản xuất → bán hàng → thu tiền trong thời gian ngắn nhất.
- Tăng cường công tác quản lý chi phí nhằm tiết giảm chi phí để nâng cao hiệu quả kinh doanh.

#### 3.2. Công tác cung ứng vật tư, nguyên liệu xuất nhập khẩu:

- Lựa chọn nhà cung ứng, nơi cung ứng và phương thức mua nguyên liệu, phụ liệu cho sản xuất nhằm: Giảm giá đầu vào, giảm nhu cầu tài chính. Duy trì các mối quan hệ chặt chẽ với các đối tác uy tín, chất lượng. Tăng cường mở rộng mối quan hệ với các đối tác nước ngoài để phát triển công tác xuất nhập khẩu của Công ty.
- Tính toán, định mức chính xác trong chi phí mua nguyên vật liệu.
- Tổ chức công tác xuất nhập khẩu hợp lý, giảm chi phí.

#### 3.3. Công tác kinh doanh:

- Linh hoạt trong phương thức, thời gian thanh toán để quay vòng vốn nhanh hơn.
- Đa dạng hóa ngành nghề sản xuất kinh doanh để phát triển tối đa tiềm năng của Công ty.
- Nghiên cứu và phát triển các sản phẩm phục vụ cho các ngành nông nghiệp có giá trị cao. Đặc biệt quan tâm đến việc nâng cao giá trị của các mặt hàng NPK một màu để qua đó khẳng định hình ảnh và thương hiệu “con trâu” của Công ty trên thị trường cả nước.
- Thường xuyên tham gia các hội chợ xúc tiến thương mại trong và ngoài nước để quảng bá sản phẩm và phát triển khách hàng, đặc biệt là thị trường Campuchia
- Tiếp tục giữ vững thị trường miền Trung, Đông Nam Bộ và Miền Tây. Đẩy mạnh công tác tiếp thị, phát triển mở rộng thêm thị trường ở miền Tây và Miền Trung. Phát huy thế mạnh của chi nhánh Công ty tại Phú Yên về các điều kiện thuận lợi như giảm chi phí vận chuyển. Phát triển các mối quan hệ với các đại

lý, nhà phân phối, công ty, khách hàng lẻ cũng như chia sẻ lợi ích với tất cả người tiêu dùng.

- Xây dựng các chính sách kinh doanh linh hoạt và có hiệu quả hơn để kích thích khả năng tiêu thụ của khách hàng.
- Hạ giá thành sản phẩm trong thời điểm cuối năm 2009 và đầu năm 2010 là cấp bách, việc hạ giá thành thông qua việc cải tiến kỹ thuật, thay thế các nguyên vật liệu tương ứng với giá thành phù hợp, áp dụng hệ thống định mức chặt chẽ hiệu quả trong việc chống hao phí.

### **3.4. Công tác điều hành sản xuất**

- Quản lý sử dụng vật tư chặt chẽ, không để nguyên vật liệu dư thừa sau sản xuất, giảm tỷ lệ nguyên vật liệu đưa vào tái chế
- Cải tiến tăng cao năng suất lao động, làm giảm chi phí lao động.
- Tiết kiệm, chống lãng phí vật tư, chi phí sửa chữa thiết bị máy móc và điện năng sử dụng.
- Giảm tối thiểu hàng tồn kho.
- Bảo đảm chất lượng sản phẩm ổn định. Tăng cường kiểm soát chất lượng hiệu quả nhất theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008.
- Cải tiến phát triển sản phẩm, đưa ra nhiều sản phẩm mới phù hợp với thị trường.
- Tiếp tục hoàn chỉnh các định mức, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật để quản lý hoạt động sản xuất hiệu quả.

### **3.5. Công tác hành chính văn phòng:**

- Quản lý và sử dụng hiệu quả các thiết bị văn phòng, văn phòng phẩm, điện thoại, xe công tác.
- Công tác tổ chức cán bộ phải tăng cường phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, đặc biệt là cán bộ quản lý. Thực hiện công tác phát triển nguồn nhân lực ở tại Công ty chính, có chế độ đãi ngộ thu hút tài năng cho chi nhánh ở Phú Yên và Campuchia.
- Về chế độ tiền lương, khen thưởng và kỷ luật:
  - Áp dụng đúng, đầy đủ các chế độ lương, bảo hiểm, phụ cấp theo quy định.
  - Với bộ phận lao động trực tiếp trả lương theo sản phẩm.
  - Với bộ phận lao động gián tiếp trả lương theo khoán tỷ lệ trên kết quả sản xuất.

### **Phần III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

#### **I. Đặc điểm tình hình**

Năm 2009, với những cố gắng vượt bậc của toàn thể cán bộ công nhân viên, Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh đã đạt được một số kết quả nhất định.

Trong lĩnh vực sản xuất phân bón NPK, Công ty là một trong những Công ty hàng đầu trên thị trường Việt nam. Cơ cấu thị phần hiện tại như sau:

▪ Công ty Phân bón Bình Điền	35 %
▪ Công ty Việt – Nhật	11 %
▪ Công ty CP VTTH và phân bón Hóa Sinh	09 %
▪ Các công ty sản xuất phân bón khác	45 %

Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty đã gặp phải một số những thuận lợi, khó khăn bao gồm:

#### **1. Thuận lợi**

Năm 2009 là năm thứ tư Công ty hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, việc chuyển đổi thành Công ty cổ phần đã tạo cho Công ty những thay đổi tích cực trong hoạt động sản xuất kinh doanh, thương hiệu phân bón “Con trâu” đã giữ vững uy tín trên thị trường và ngày càng được người tiêu dùng tin tưởng.

Việc niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh là một sự cố gắng vượt bậc của Công ty, góp phần nâng cao uy tín của Công ty, đồng thời Công ty cũng được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp do niêm yết.

Một nhân tố quan trọng khác cho sự phát triển của toàn Công ty trong năm vừa qua là Hội đồng quản trị đã có những định hướng đúng đắn, những kế hoạch đầu tư nhanh, kịp thời giải quyết các vướng mắc, khó khăn. Chính điều này đã giúp cho Ban Giám đốc điều hành thuận lợi và đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh.

Nguồn nhân lực của Công ty đa phần là các cán bộ trẻ, giàu kinh nghiệm, có năng lực và tâm huyết sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.

Công ty đã xây dựng được mạng lưới khách hàng ổn định ở các thị trường miền Trung và miền Tây. Công ty cũng tiếp cận và khai thác thêm các thị trường tiêu thụ sản phẩm như thị trường phía Bắc, thị trường Campuchia và Malaysia...

Dự trữ công suất hoạt động của các nhà máy còn khá lớn. Hiện tại cả 2 nhà máy ở Củ Chi và Phú Yên chỉ hoạt động khoảng 70% công suất.

#### **2. Khó khăn**

Năm 2009 là một năm nhiều khó khăn cho các doanh nghiệp hoạt động trong ngành phân bón nói chung và Công ty Hóa Sinh nói riêng.

Tình hình lạm phát và giá nguyên liệu tăng đột biến có loại tăng gần 300% gây khó khăn cho Công ty khi dự đoán và lập kế hoạch dự trữ hàng tồn kho đồng thời đẩy giá thành sản phẩm tăng cao. Tuy nhiên, với khách hàng đặc thù là nông dân, Công ty lại càng gặp khó khăn vì không thể chủ động tăng giá bán tương ứng với tỷ lệ giá thành tăng, thậm chí trong nhiều giai đoạn, Công ty đã phải giảm giá bán để kích thích tiêu dùng.

Bên cạnh đó, lãi suất cho vay của các ngân hàng đứng ở mức khá cao cũng làm ảnh hưởng đến tình hình huy động vốn của Công ty.

Hiện nay, Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày một gay gắt trên thị trường, không chỉ từ các doanh nghiệp trong nước mà còn từ các doanh nghiệp nước ngoài.

Việc phát triển và đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên theo kịp trình độ phát triển của Công ty là một trong những vấn đề Công ty còn phải lưu ý.

Với mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, diện tích đất nông nghiệp của nước ta ngày càng bị thu hẹp, sản lượng chung không thay đổi, các công ty trong ngành buộc phải cạnh tranh với nhau để giành giật thị phần, gây áp lực đến khả năng sinh lợi của công ty.

Các yếu tố khách quan khác như tình hình thời tiết không thuận lợi tại các tỉnh miền Tây, lượng nước dâng cao vào vụ đông xuân, giá các loại nông sản trong năm 2009 giảm đến mức thấp nhất cũng làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ sản phẩm của Công ty.

## II. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2009

### 1. Kết quả sản xuất, xuất khẩu sản phẩm

STT	Tổng sản lượng	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2008	Thực hiện năm 2009	Tỷ lệ % TH 2009 so với 2008
1	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	77.375	110.000	142,16
2	Sản lượng xuất khẩu	Tấn	800	13.800	1.725

### 2. Tình hình lao động và thu nhập của Công ty trong năm 2009:

– Lao động thường xuyên (tính đến thời điểm 31/12/2009): 290 người

Trong đó:

- Cán bộ trình độ đại học, trên đại học: 18 người
- Cán bộ trình độ cao đẳng, trung cấp: 32 người
- Công nhân sản xuất và các nhân viên khác: 240 người

– Thu nhập bình quân/ người/ tháng: 2.800.000 đồng

– Lao động thường xuyên dự kiến năm 2010: 300 người

– Thu nhập bình quân/ người/ tháng: 4.200.000 đồng

### 3. Kết quả kinh doanh

Kết quả kinh doanh của Công ty thể hiện tóm tắt ở bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	% tăng/giảm
1	Tổng doanh thu	Đồng	634.006.839.088	900.183.627.332	141,98

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2008	Thực hiện 2009	% tăng/giảm
2	Tổng chi phí	Đồng	615.696.548.976	885.559.848.274	143,83
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	20.491.662.714	17.762.956.343	86,68
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.878.415.009	16.029.972.154	80,64
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Đồng	1.988	1.616	81,29
6	Tài sản ngắn hạn / Tổng tài sản	%	89,30	89,08	-
7	Tài sản dài hạn / Tổng tài sản	%	10,70	10,92	-
8	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	85,59	82,64	-
9	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,14	1,78	-
10	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	%	2,29	2,11	-
11	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	%	19,87	16,03	-

Thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 và Nghị Quyết của Hội đồng quản trị, toàn Công ty đã nỗ lực phấn đấu khắc phục khó khăn, hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2009, mang lại lợi ích cho cổ đông, cho Công ty theo định hướng phát triển của Hội đồng quản trị.

Ban Giám đốc Công ty đã xây dựng các biện pháp linh hoạt, phương thức phù hợp với điều kiện cụ thể của Công ty và thị trường trong từng giai đoạn, phát huy mọi nguồn lực của Công ty đặc biệt là cải tiến công nghệ và công tác quản lý, giảm thiểu tối đa các chi phí và tiết kiệm vật tư, nâng cao năng suất lao động, giữ vững và ổn định thị trường.

## Phần IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

### BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>676,629,297,662</b>	<b>776,325,078,344</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>13,619,807,998</b>	<b>9,215,038,633</b>
1. Tiền	111	V.1	13,619,807,998	9,215,038,633
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá CK đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>318,154,919,458</b>	<b>291,013,832,364</b>
1. Phải thu khách hàng	131		316,392,755,178	287,804,506,704
2. Trả trước cho người bán	132		1,135,578,446	2,276,361,742
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138	V.2	626,585,834	932,963,918
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>326,791,968,281</b>	<b>436,184,565,800</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	326,791,968,281	436,184,565,800
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>18,062,601,925</b>	<b>39,911,641,547</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		563,894,958	373,942,440
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		13,539,903,544	14,058,141,862
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	760,580,345

4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.4	3,958,803,423	24,718,976,900
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>82,950,080,405</b>	<b>93,004,462,415</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.5	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>81,275,014,405</b>	<b>90,661,128,249</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	65,559,283,261	60,980,430,120
- Nguyên giá	222		106,925,948,622	95,649,398,455
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(41,366,665,361)	(34,668,968,335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	-	28,333,335
- Nguyên giá	228		85,000,000	85,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(85,000,000)	(56,666,665)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	15,715,731,144	29,652,364,794
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1,578,195,000</b>	<b>1,578,195,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.9	1,578,195,000	1,578,195,000
4. Dự phòng giảm giá CK đầu tư dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>96,871,000</b>	<b>765,139,166</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	V.10	-	409,640,851
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	V.11	-	258,627,315

3. Tài sản dài hạn khác	273		96,871,000	96,871,000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)</b>	<b>280</b>		<b>759,579,378,067</b>	<b>869,329,540,759</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>627,756,956,331</b>	<b>744,053,942,562</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>627,247,054,289</b>	<b>743,510,649,584</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	<b>V.12</b>	550,435,223,280	592,692,443,707
2. Phải trả người bán	312		59,932,363,638	122,508,162,145
3. Người mua trả tiền trước	313		2,953,111,037	497,130,559
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	<b>V.13</b>	2,405,543,730	317,835,006
5. Phải trả người lao động	315		987,569,337	495,186,536
6. Chi phí phải trả	316	<b>V.14</b>	6,966,850,942	7,039,250,858
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	<b>V.15</b>	3,566,392,325	19,960,640,773
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>509,902,042</b>	<b>543,292,978</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	<b>V.16</b>	-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		509,902,042	543,292,978
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>131,822,421,736</b>	<b>125,275,598,197</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>131,271,426,786</b>	<b>125,237,133,072</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100,000,000,000	100,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8,952,300,000	8,952,300,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		(1,392,524,898)	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(6,466,053,344)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		10,239,280,607	9,934,865,598



8. Quỹ dự phòng tài chính	418	3,949,287,279	1,962,287,279
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	(53,171,911)	(506,475,814)
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16,042,309,053	4,894,156,009
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>550,994,950</b>	<b>38,465,125</b>
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	550,994,950	40,295,125
2. Nguồn kinh phí	432	-	(1,830,000)
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>510</b>	<b>759,579,378,067</b>	<b>869,329,540,759</b>

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

### CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		140,047,392	140,047,392
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		5,093,849,133	5,093,849,133
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
<b>Người lập biểu</b> (Đã ký)	<b>Kế toán trưởng</b> (Đã ký)	<i>Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2010</i>	
		<b>Tổng giám đốc</b> (Đã ký và đóng dấu)	

**TRƯƠNG THỊ HẠNH**

**NGUYỄN ANH PHƯỢNG**

**ĐỖ VĂN NGỌC**

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
 Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
**Năm 2009**

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.18	<b>900,183,627,332</b>	<b>634,006,839,088</b>
2. Các khoản giảm trừ	02	V.19	518,787,300	351,916,000
3. <b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>	<b>V.20</b>	<b>899,664,840,032</b>	<b>633,654,923,088</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21	820,748,541,121	528,527,327,734
5. <b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>78,916,298,911</b>	<b>105,127,595,354</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	3,347,848,581	862,918,675
7. Chi phí tài chính	22	V.23	49,829,944,917	73,419,205,972
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>			45,417,452,515	67,929,484,654
8. Chi phí bán hàng	24		6,844,185,375	7,206,964,124
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		8,137,176,861	6,543,051,146
10. <b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>17,452,840,339</b>	<b>18,821,292,787</b>
11. Thu nhập khác	31		870,996,204	1,789,778,076
12. Chi phí khác	32		560,880,200	119,408,149
13. <b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>310,116,004</b>	<b>1,670,369,927</b>
14. <b>Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh</b>	45		-	-
15. <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>17,762,956,343</b>	<b>20,491,662,714</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.24	,474,356,874	871,875,020
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.25	258,627,315	(258,627,315)

18.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		16,029,972,154	9,878,415,009
19.	Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	-
20.	Lợi ích sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			16,029,972,154	19,878,415,009
21.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V.26	1,616	1,988

Lập, ngày 03 tháng 02 năm 2010

Người lập biểu  
(Đã ký)

Kế toán trưởng  
(Đã ký)

Tổng giám đốc  
(Đã ký và đóng dấu)

TRƯƠNG THỊ HẠNH

NGUYỄN ANH PHƯƠNG

ĐỖ VĂN NGỌC

CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH  
Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính hợp nhất  
Cho năm tài chính kết thúc ngày  
31/12/2009

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**Năm 2009**  
**(Theo phương pháp gián tiếp)**

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Năm 2009	Năm 2008
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>	1		
1. Lợi nhuận trước thuế		17,762,956,343	20,491,662,714
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	-
1. Khấu hao tài sản cố định	2	6,931,074,328	5,502,421,169
2. Các khoản dự phòng	3	(7,423,861)	(20,613,255)
3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4	(1,019,863,166)	2,583,281,168
4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5	-	-
5. Chi phí lãi vay	6	45,417,452,515	67,991,924,653
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	69,084,196,159	96,548,676,449
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9	123,854,750,924	(128,768,486,463)

- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(36,454,027,653)	131,168,442,941
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(77,766,287,864)	(170,742,983,358)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	657,760,339	(689,938,109)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(42,005,186,036)	(67,929,484,654)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(58,740,816)	(1,632,455,365)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	60,896,386,352	57,791,532
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(39,533,395,363)	(65,769,024,826)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>58,675,456,042</b>	<b>(207,757,461,853)</b>

## II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(9,094,950,560)	(8,850,924,408)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	1,143,529,857	11,332,100
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1,933,649,144	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(6,017,771,559)</b>	<b>(8,839,592,308)</b>

## III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính

1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	662,676,750,936	673,126,949,183
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(710,766,171,363)	(486,302,581,002)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở	36	-	-

hữu		-	(15,000,000,000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(48,089,420,427)</b>	<b>171,824,368,181</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>4,568,264,056</b>	<b>(44,772,685,980)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>9,215,038,633</b>	<b>53,987,724,613</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(163,494,691)	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>13,619,807,998</b>	<b>9,215,038,633</b>
<b>Người lập biểu</b> (Đã ký)	<b>Kế toán trưởng</b> (Đã ký)	<b>Tổng giám đốc</b> (Đã ký và đóng dấu)	

**TRƯƠNG THỊ HẠNH**

**NGUYỄN ANH PHƯƠNG**

**ĐỖ VĂN NGỌC**

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**  
Ấp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. HCM

**Báo cáo tài chính hợp nhất**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

---

## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT** **Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được chuyển đổi từ Xí nghiệp Phân bón Hóa Sinh thuộc DNNN Công ty Thanh Bình (Pacifico) theo Quyết định số 491/QĐ-BQP ngày 24/03/2005 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003733 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16/08/2005, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 03/12/2007.

#### **Lĩnh vực và ngành nghề kinh doanh**

Sản xuất, mua bán phân bón. Mua bán nguyên liệu sản xuất phân bón, máy móc thiết bị, phụ tùng ngành nông nghiệp. Gia công chế biến, nuôi trồng thủy hải sản. Mua bán vật liệu xây dựng, nông-thủy-hải sản, lương thực thực phẩm, hàng trang trí nội thất, sản phẩm giày da, hàng may mặc. Khai thác khoáng sản. Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, khu dân cư. Kinh doanh nhà ở. Cho thuê kho bãi, nhà xưởng, nhà ở, văn phòng. Sản xuất, gia công khung nhà thép, sản phẩm bằng kim loại. Mua bán vật liệu, vật tư ngành bao bì. Kinh doanh vận chuyển hàng hóa bằng ô tô. Sản xuất, gia công, sang chai, đóng gói thuốc bảo vệ thực vật. Mua bán thuốc bảo vệ thực vật.

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Vốn điều lệ của Công ty do các cổ đông là pháp nhân và thể nhân góp vốn. Vốn điều lệ của Công ty được xác định vào thời điểm 31/12/2009 là 100.000.000.000 VND (Một trăm tỷ đồng chẵn).

#### **Số lượng các Công ty được hợp nhất Báo cáo tài chính gồm:**

Công ty TNHH một thành viên Nhà máy Phân bón NPK Phú Yên (Tỷ lệ vốn góp của Công ty mẹ là 100%)

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính:**

Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Hình thức nhật ký chung trên máy vi tính

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi

## 2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định theo phương pháp chi phí nguyên vật liệu. Theo đó, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công và chi phí chung được tính hết cho sản phẩm trong kỳ

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến TSCĐ thuê tài chính. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc	08-33 năm
- Máy móc thiết bị	06-10 năm
- Phương tiện vận tải	06-10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03-05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

TSCĐ thuê tài chính được trích khấu hao như TSCĐ của Công ty. Đối với TSCĐ thuê tài chính không chắc chắn sẽ được mua lại thì sẽ được tính trích khấu hao theo thời hạn thuê khi thời hạn thuê ngắn hơn thời gian sử dụng hữu ích của nó.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

## 5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó :

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

#### **6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay"

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỉ lệ vốn hóa đối với chi phí vốn hóa bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất dở dang.

#### **7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất doanh nghiệp theo phương pháp đường thẳng. Các chi phí được phân bổ theo thời gian hữu ích của tài sản.

#### **8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

#### **9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.



Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

#### **10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### **12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### **13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

### **14. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về Kế toán có liên quan.

### **15. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận kinh doanh bao gồm bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### **16. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

### **17. Phương pháp lập báo cáo tài chính hợp nhất**

#### ***Bảng cân đối kế toán hợp nhất***

Bảng cân đối kế toán hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất Bảng cân đối kế toán của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương của tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Bảng cân Đối kế toán hợp nhất.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất các khoản mục này và trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty gồm:

- + Các khoản đầu tư của Công ty mẹ vào Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông thiểu số;
- + Các khoản phải thu, phải trả giữa Công ty mẹ với Công ty con;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ.

#### ***Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất***

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty mẹ và Công ty con theo từng khoản mục bằng cách cộng các khoản mục tương đương theo nguyên tắc:

- Đối với các khoản mục không phải điều chỉnh thì được cộng trực tiếp để xác định khoản mục tương đương của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

- Đối với các khoản mục phải điều chỉnh được thực hiện điều chỉnh sau đó mới cộng để hợp nhất và trình bày Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các chỉ tiêu đã được điều chỉnh liên quan đến hợp nhất Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- + Doanh thu bán hàng, giá vốn hàng bán giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Doanh thu hoạt động tài chính, chi phí hoạt động tài chính giữa Công ty mẹ và Công ty con;
- + Lợi ích của cổ đông thiểu số trong lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp;
- + Các khoản lãi, lỗ chưa thực sự phát sinh từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con.

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT**

	31/12/2009	01/01/2009
<b>1. TIỀN</b>		
	VND	VND
Tiền mặt	6,291,551,082	1,744,762,208
Tiền gửi ngân hàng	7,328,256,916	7,470,276,425
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>13,619,807,998</b>	<b>9,215,038,633</b>
<b>2. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC</b>		
	VND	VND
Phải thu về cổ phần hóa	-	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận đã tạm chia	-	-
Phải thu người lao động (thuế thu nhập cá nhân)	-	315,460,000
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-
Nguồn kinh phí	-	-
Phải thu về BHXH	-	471,065,509
Các khoản phải thu khác	626,585,834	146,438,409
<b>Tổng cộng</b>	<b>626,585,834</b>	<b>932,963,918</b>
<b>3. HÀNG TỒN KHO</b>		
	VND	VND
Hàng gửi đi bán	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	280,984,504,009	392,932,285,372
Công cụ, dụng cụ	95,528,567	3,892,167
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-
Thành phẩm	45,501,093,605	43,248,388,261
Hàng hóa	210,842,100	-
Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Hàng hóa bất động sản	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>326,791,968,281</b>	<b>436,184,565,800</b>
<b>4. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC</b>		
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	1,222,438,300

Tạm ứng	2,535,405,648	119,548,350
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1,423,397,775	23,376,990,250
Tài sản ngắn hạn khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,958,803,423</b>	<b>24,718,976,900</b>
<b>5. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC</b>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**6. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số dư đầu năm	54,966,169,536	24,448,112,889	14,467,525,558	1,674,153,472	93,437,000	<b>95,649,398,455</b>
2. Số tăng trong kỳ	3,198,527,856	36,000,000	8,953,983,562	311,624,606	530,300,000	<b>13,030,436,024</b>
<i>Bao gồm:</i>						-
- Mua sắm mới	-	36,000,000	7,788,666,705	311,624,606	530,300,000	<b>8,666,591,311</b>
- Xây dựng mới	3,198,527,856	-	-	-	-	<b>3,198,527,856</b>
- Tăng khác	-	-	1,165,316,857	-	-	<b>1,165,316,857</b>
3. Số giảm trong kỳ	-	-	1,753,885,857	-	-	<b>1,753,885,857</b>
<i>Bao gồm:</i>						-
- Thanh lý	-	-	588,569,000	-	-	<b>588,569,000</b>
- Nhượng bán	-	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	1,165,316,857	-	-	<b>1,165,316,857</b>
4. Số dư cuối kỳ	58,164,697,392	24,484,112,889	21,667,623,263	1,985,778,078	623,737,000	<b>106,925,948,622</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
1. Số dư đầu năm	16,538,685,965	11,393,364,801	5,519,442,831	1,198,008,697	19,466,041	<b>34,668,968,335</b>

*Báo cáo thường niên năm 2010*

---

2. Khấu hao trong kỳ	2,859,718,444	1,922,320,816	1,922,762,514	156,903,305	41,035,914	<b>6,902,740,993</b>
3. Giảm trong kỳ	-	-	205,043,967	-	-	<b>205,043,967</b>
Gồm:						-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	128,749,467	-	-	<b>128,749,467</b>
- Giảm khác	-	-	76,294,500	-	-	<b>76,294,500</b>
4. Số dư cuối kỳ	19,398,404,409	13,315,685,617	7,237,161,378	1,354,912,002	60,501,955	<b>41,366,665,361</b>

**III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH**

---

1. Tại ngày đầu năm	38,427,483,571	13,054,748,088	8,948,082,727	476,144,775	73,970,959	<b>60,980,430,120</b>
2. Tại ngày cuối kỳ	38,766,292,983	11,168,427,272	14,430,461,885	630,866,076	563,235,045	<b>65,559,283,261</b>

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

<b>08. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG</b>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Công trình Nhà máy phân bón NPK Phú Yên	10,795,594,633	24,033,226,547
- Công trình nhà kho, sân phơi	4,920,136,511	5,619,138,247
<b>Tổng cộng</b>	<b>15,715,731,144</b>	<b>29,652,364,794</b>
<b>09. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC</b>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Cổ phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội (184.975 CP)	1,578,195,000	1,117,695,000
Trái phiếu Ngân hàng TMCP Quân đội	-	460,500,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,578,195,000</b>	<b>1,578,195,000</b>
<b>10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN</b>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Chi phí thuê đất	-	109,813,101
Chi phí sửa chữa lớn chờ phân bổ	-	299,827,750
<b>Tổng cộng</b>	<b>-</b>	<b>409,640,851</b>
<b>11. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI</b>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	258,627,315
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Khoản hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>-</b>	<b>258,627,315</b>
<b>12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN</b>	31/12/2009	01/01/2009
	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Đông Á (VND) (1)	154,300,000,000	128,327,219,096
- Ngân hàng TMCP Đông Á (USD) (2)	108,543,050,000	50,332,503,707

- Ngân hàng TMCP Quân Đội (VND)	20,300,000,000	76,850,000,000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (VND)	-	14,566,420,904
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (VND)	22,536,000,000	24,685,000,000
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Phú Yên (USD)	-	32,256,300,000
- Ngân hàng Đông Á-CN Bình Định (VND)	69,696,100,000	122,570,000,000
- Ngân hàng Đông Á-CN Bình Định (USD) (3)	12,883,073,280	-
- Ngân hàng TMCP Kỹ thương-CN Quy Nhơn (VND)	9,567,000,000	-
- Vay cá nhân (4)	152,610,000,000	143,105,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>550,435,223,280</b>	<b>592,692,443,707</b>

**Ghi chú :**

(1): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn VND của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để thanh toán các hóa đơn, hợp đồng mua hàng với thời hạn 9 tháng, lãi suất từ 0,875%/tháng đến 1%/tháng.

(2): Là các khoản tín dụng ngắn hạn bằng USD của Công ty với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á dưới hình thức hạn mức tín dụng dùng để trả các hợp đồng nhập khẩu, với thời hạn 9 tháng, lãi suất 5%/năm. Tại thời điểm 31/12/2009 tổng dư nợ vay bằng USD là 6,050,000.00 USD.

(3): Là các khoản vay tín dụng ngắn hạn bằng USD của Công ty với Ngân hàng TMCP Đông Á - CN Bình Định dùng để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu, với thời hạn là 09 tháng, lãi suất 5,5%/năm. Tại thời điểm 31/12/2009 tổng số dư nợ vay bằng USD là 718,080.00 USD

(4): Là các khoản tiền huy động vốn từ các cá nhân khác ở trong và ngoài Công ty trên cơ sở Hợp đồng vay vốn, với lãi suất 6,5%/năm.



**17. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>8,952,300,000</b>	-	-	<b>1,279,683,498</b>	<b>430,324,935</b>	<b>228,279,073</b>	<b>23,457,473,553</b>	<b>134,348,061,059</b>
Tăng vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	19,878,415,009	<b>19,878,415,009</b>
Tăng khác	-	-	-	-	8,655,182,100	1,531,962,344	1,260,004,518	11,324,585,360	<b>22,771,734,322</b>
Giảm vốn góp trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(1,994,759,405)	(49,766,317,913)	<b>(51,761,077,318)</b>
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>8,952,300,000</b>	-	-	<b>9,934,865,598</b>	<b>1,962,287,279</b>	<b>(506,475,814)</b>	<b>4,894,156,009</b>	<b>125,237,133,072</b>
Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	16,029,972,154	<b>16,029,972,154</b>
Tăng khác	-	-	-	-	304,415,009	1,987,000,000	496,321,656	15,861,324,940	<b>18,649,061,605</b>
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1,392,524,898)	(6,466,053,344)	-	-	(43,017,753)	(20,743,144,050)	<b>(28,644,740,045)</b>
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>100,000,000,000</b>	<b>8,952,300,000</b>	<b>(1,392,524,898)</b>	<b>(6,466,053,344)</b>	<b>10,239,280,607</b>	<b>3,949,287,279</b>	<b>(53,171,911)</b>	<b>16,042,309,053</b>	<b>131,271,426,786</b>

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Cuối năm		Đầu năm	
	VND		VND	
Vốn góp của Nhà nước	9,435,000,000	9,43%	9,435,000,000	9,43%
Vốn góp của các đối tượng khác	90,565,000,000	90,57%	90,565,000,000	90,57%
<b>Cộng</b>	<b><u>100,000,000,000</u></b>	<b>100%</b>	<b><u>100,000,000,000</u></b>	<b>100%</b>

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu kỳ	100,000,000,000	100,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối năm	100,000,000,000	100,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	26,000,000,000

**d) Cổ tức**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:		
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông		15%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: 0 VND.		

**e) Cổ phiếu**

	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10,000,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10,000,000	10,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	10,000,000	10,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	114,410	-
- Cổ phiếu phổ thông	114,410	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9,885,590	10,000,000
- Cổ phiếu phổ thông	9,885,590	10,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: <b>10.000 VND/Cổ phiếu</b>		

**f) Các quỹ của công ty**

	Cuối năm VND	Đầu năm VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10,239,280,607	9,934,865,598
- Quỹ dự phòng tài chính	3,949,287,279	1,962,287,279
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	(53,171,911)	(506,475,814)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	550,994,950	40,295,125

\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp :

- Quỹ đầu tư phát triển: Dùng để đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, đổi mới máy móc thiết bị - dây chuyền công nghệ và để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

- Quỹ dự phòng tài chính: Nhằm đảm bảo sự cân đối trong các nhu cầu chi trả để duy trì và ổn định sản xuất kinh doanh, đồng thời cũng là nguồn tài chính để bổ sung vốn hoạt động của công ty.

- Quỹ khen thưởng: Chi khen thưởng cho đối tượng là người lao động trong công ty và các cá nhân, đơn vị có quan hệ công tác và đóng góp vào hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Quỹ phúc lợi: Chi xây dựng và sửa chữa các công trình phúc lợi, trợ cấp khó khăn, hiếu hỷ, nghỉ mát, điều dưỡng, tham quan, văn hóa, văn nghệ, bù đắp công tác phí cho người lao động thuộc công ty và cho cá nhân, tập thể không phải là người lao động trong

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP & PHÂN BÓN HÓA SINH**

Áp 5, Xã Phạm Văn Cội, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2009

**18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	716,795,657,080	3,362,617,420
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	183,387,970,252	170,644,221,668
<b>Tổng cộng</b>	<b>900,183,627,332</b>	<b>634,006,839,088</b>

**19. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	-
Hàng bán bị trả lại	518,787,300	351,916,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>518,787,300</b>	<b>351,916,000</b>

**20. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2009 VND	Năm 2008 VND
Doanh thu thuần về thành phẩm, hàng hóa		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	716,276,869,780	463,010,701,420
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	183,387,970,252	170,644,221,668

<b>Tổng cộng</b>	<b>899,664,840,032</b>	<b>633,654,923,088</b>
<b>21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán		
- Công ty CP VTTH và Phân bón Hóa Sinh	652,680,027,715	393,543,079,353
- Công ty TNHH Phân bón NPK Phú Yên	168,068,513,406	134,984,248,381
<b>Tổng cộng</b>	<b>820,748,541,121</b>	<b>528,527,327,734</b>
<b>22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
- Chiết khấu	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	412,770,862	115,142,300
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	2,640,321,202	465,592,952
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1,090,943	18,309,654
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	293,665,574	263,873,769
<b>Tổng cộng</b>	<b>3,347,848,581</b>	<b>862,918,675</b>
<b>23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
- Lãi vay	45,417,452,515	67,991,924,653
- Lãi trả chậm	15,315,583	78,325,934
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4,397,176,819	2,748,872,582
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	2,600,082,803
<b>Tổng cộng</b>	<b>49,829,944,917</b>	<b>73,419,205,972</b>

**24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1,144,286,339	805,247,462
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước và chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	330,070,535	66,627,558
<b>Tổng cộng</b>	<b>1,474,356,874</b>	<b>871,875,020</b>

**25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	258,627,315	(258,627,315)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (*)	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng (*)	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả (*)	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>258,627,315</b>	<b>(258,627,315)</b>

**26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	16,029,972,154	19,878,415,009
Số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	9,921,649	10,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,616	1,988

**27. CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	428,740,554,313	444,522,299,387
Chi phí nhân công	11,034,824,434	7,122,673,597
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6,931,074,328	5,664,311,103
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5,211,831,905	6,595,898,286

Chi phí khác bằng tiền	17,303,172,040	5,909,612,296
------------------------	----------------	---------------

<b>Tổng cộng</b>	<b>469,221,457,020</b>	<b>469,814,794,669</b>
------------------	------------------------	------------------------

**28. CHI PHÍ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

	Năm 2009	Năm 2008
	VND	VND
- Chi phí tiền lương	634,437,000	379,500,000
- Thù lao	-	115,500,000

<b>Tổng cộng</b>	<b>634,437,000</b>	<b>495,000,000</b>
------------------	--------------------	--------------------

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**Thông tin về các bên liên quan**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Ông Huỳnh Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)	Chi trả lãi vay	1,363,238,400
Ông Nguyễn Minh Phúc (Thành viên HĐQT)	Chi trả lãi vay	264,496,000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung	Giá trị
Ông Huỳnh Nghĩa (Chủ tịch HĐQT)	Vay vốn	31,440,000,000
Ông Nguyễn Minh Phúc (Thành viên HĐQT)	Vay vốn	12,200,000,000

**Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2008 đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán. Số liệu này đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này.

**Người lập biểu**  
(Đã ký)

**Kế toán trưởng**  
(Đã ký)

**Tổng giám đốc**  
(Đã ký và đóng dấu)

**TRƯƠNG THỊ HẠNH**

**NGUYỄN ANH PHƯƠNG**

**ĐỖ VĂN NGỌC**

## **Phần V. BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

Đơn vị kiểm toán độc lập: Công Ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán Kiểm Toán Phía Nam (AASCS)

- Ý kiến kiểm toán độc lập:

Số : 207/BCKT-TC

### **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

**Về Báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31/12/2009  
của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh**

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh được lập ngày **03/02/2010** gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2009, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2009, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2009 kết thúc ngày 31/12/2009 được trình bày từ trang 06 **đến trang 28** kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

#### ***Cơ sở ý kiến:***

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

#### ***Ý kiến của kiểm toán viên:***

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vật tư Tổng hợp và Phân bón Hóa Sinh tại ngày 31/12/2009, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 03 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính  
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS)  
Tổng Giám đốc  
(Đã ký và đóng dấu)**

**Kiểm toán viên điều hành  
(Đã ký)**

---

**ĐỖ KHẮC THANH**  
CPA số: D0064/KTV

---

**PHÙNG NGỌC TOÀN**  
CPA số: 0335/KTV

**CÔNG TY CP VẬT TƯ TỔNG HỢP PHÂN BÓN HÓA SINH  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
HUỲNH NGHĨA  
(Đã ký và đóng dấu)**